



193 - 140

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	Nam	01	113	2,8	01	Anh	lẻ
2	000002	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	Nữ	01	114	3,2	01	Anh	chẵn
3	000003	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	Nữ	01	115	7,0	01	Anh	lẻ
4	000004	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	Nữ	01	116	2,9	01	Anh	chẵn
5	000005	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	Nữ	01	117	3,0	01	Anh	lẻ
6	000006	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	Nữ	01	118	7,7	01	Anh	chẵn
7	000007	1201031538	Quản Vân	Anh	04/05/2006	KD12A	Nam	01					ĐK
8	000008	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	Nữ	01	119	4,0	01	Anh	chẵn
9	000009	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	120	6,5	01	Anh	lẻ
10	000010	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	Nữ	01	121	3,1	01	Anh	chẵn
11	000011	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	Nam	01	122	4,9	01	Anh	lẻ
12	000012	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	Nữ	01	123	2,7	01	Anh	chẵn
13	000013	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	Nam	01	124	5,4	01	Anh	lẻ
14	000014	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	Nam	01					ĐK
15	000015	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	Nữ	01	125	7,1	01	Anh	HP lẻ
16	000016	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	Nữ	01	126	4,0	01	Anh	chẵn
17	000017	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	Nữ	01	127	2,3	01	Anh	lẻ
18	000018	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	Nữ	01	128	0,3	01	Anh	chẵn
19	000019	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	Nữ	01					ĐK
20	000020	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	Nữ	01	129	1,2	01	Anh	chẵn
21	000021	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	Nữ	01	130	3,0	01	Anh	lẻ
22	000022	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	Nữ	01	131	1,2	01	Anh	chẵn
23	000023	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	Nữ	01	132	4,4	01	Anh	lẻ
24	000024	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	Nam	01					ĐK
25	000025	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	Nam	01	133	3,7	01	Anh	lẻ
26	000026	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	Nữ	01	134	1,2	01	Anh	chẵn
27	000027	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	Nữ	01	135	4,0	01	Anh	lẻ
28	000028	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	Nữ	01	136	6,0	01	Anh	chẵn
29	000029	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	Nữ	01					HP, ĐK
30	000030	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	Nữ	01	137	1,2	01	Anh	chẵn
31	000031	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	Nữ	01	138	5,6	01	Anh	lẻ
32	000032	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	Nữ	01	139	7,4	02	Anh	chẵn
33	000033	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	Nữ	01	140	1,2	01	Anh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Kim Dung

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	Nữ	01	351	6,3	01	Nga	Chẵn
2	000035	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	Nữ	01	352	2,1	01	Ngân	lẻ
3	000036	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	Nữ	01	353	3,2	01	Ngọc	Chẵn
4	000037	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KD12A	Nữ	01	354	9,7	01	Ngọc	lẻ
5	000038	1201020333	Khương Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	Nữ	01	355	5,9	01	Nhi	Chẵn
6	000039	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	Nữ	01	356	10	01	Oanh	lẻ
7	000040	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	Nữ	01	357	1,5	01	Phuong	Chẵn
8	000041	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	Nam	01	358	1,2	01	Quang	lẻ
9	000042	1201021506	Hoàng Ngọc	Sen	17/04/2004	KD12A	Nam	01					HP,ĐK
10	000043	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	Nữ	01	359	3,8	01	Thảo	lẻ
11	000044	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	Nữ	01					ĐK
12	000045	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	Nữ	01	360	2,9	01	Thảo	lẻ
13	000046	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	Nữ	01	361	1,2	01	Thu	Chẵn
14	000047	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	Nữ	01	362	4,3	01	Thư	lẻ
15	000048	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	Nữ	01	363	7,8	01	Thủy	Chẵn
16	000049	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	Nữ	01	364	6,3	01	Trang	lẻ
17	000050	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	Nữ	01	365	2,4	01	Trang	Chẵn
18	000051	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	Nữ	01	366	9,1	01	Trang	lẻ
19	000052	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	Nữ	01					HP,ĐK
20	000053	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	Nam	01	367	5,1	01	Tuấn	lẻ
21	000054	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	Nữ	01	368	3,7	01	Vân	Chẵn
22	000055	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	Nữ	01	369	1,8	01	Vui	lẻ
23	000056	1201020487	Dur Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	Nữ	01	370	0,6	01	Yến	Chẵn
24	000057	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	Nam	01					ĐK
25	000058	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	Nữ	02					HP
26	000059	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	Nữ	02	371	9,0	01	Anh	lẻ
27	000060	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	Nữ	02					HP,ĐK
28	000061	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	Nữ	02	372	5,1	01	Anh	lẻ
29	000062	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	Nữ	02	373	6,0	01	Ánh	Chẵn
30	000063	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	Nữ	02	374	7,7	01	Chi	lẻ
31	000064	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12B	Nữ	02	375	0,9	01	Chi	Chẵn
32	000065	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	Nữ	02	376	6,8	01	Chi	lẻ
33	000066	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	Nam	02	377	2,4	01	Đức	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 27
Tổng số tờ giấy thi: 27
Tổng số biên bản: 2

Cán bộ coi thi 1

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Bích Thục

Đỗ Thị Ngọc



525 - 527

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000067	1201020126	Trần Thị	Dung	14/03/2006	KD12B	Nữ	02	525	7,3	01	Dung	Lẻ
2	000068	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	Nam	02	526	1,9	01	Dũng	Chẵn
3	000069	1201020131	Đỗ Thị	Ánh	19/06/2006	KD12B	Nữ	02	527	4,3	01	Dũng	Lẻ
4	000070	1201021695	Nguyễn Thị	Thùy	08/03/2006	KD12B	Nữ	02	528	3,8	01	Dũng	Chẵn
5	000071	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	Nữ	02	529	7,5	01	Giang	Lẻ
6	000072	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	Nữ	02	530	3,9	01	Hà	Chẵn
7	000073	1201021811	Phạm Thị	Thúy	02/07/2006	KD12B	Nữ	02	531	7,2	01	Hàng	Lẻ
8	000074	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	Nữ	02	532	4,7	01	Hàn	Chẵn
9	000075	1201020177	Lê Thị	Quỳnh	28/09/2006	KD12B	Nữ	02	533	2,8	01	Sh	Lẻ
10	000076	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	Nữ	02	534	3,1	01	Hoài	Chẵn
11	000077	1201021774	Hà Hoàng	Quỳnh	28/06/2006	KD12B	Nữ	02					HP,ĐK
12	000078	1201020197	Nguyễn Thị	Thu	06/11/2006	KD12B	Nữ	02	535	0,6	01	Huỳnh	Chẵn
13	000079	1101020124	Nguyễn Thanh	Huyền	19/08/2005	KD12B	Nữ	02	536	1,6	01	Huyền	Chẵn
14	000080	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	Nữ	02	537	3,7	01	Huyền	Chẵn
15	000081	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	Nữ	02	538	6,1	01	Lan	Lẻ
16	000082	1201021492	Đào Thị	Khánh	26/10/2006	KD12B	Nữ	02	539	1,2	01	linh	Chẵn
17	000083	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	Nữ	02	540	5,9	01	Linh	Lẻ
18	000084	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	Nữ	02	541	2,2	01	Loan	Chẵn
19	000085	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	Nam	02	542	5,4	01	Long	Lẻ
20	000086	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	Nữ	02	543	1,6	01	Ly	Chẵn
21	000087	1201020298	Lê Thị	Huyền	22/07/2006	KD12B	Nữ	02	544	2,4	01	My	Lẻ
22	000088	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	Nữ	02	545	4,8	01	Nga	Chẵn
23	000089	1201020308	Khuong Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	Nữ	02	546	5,8	01	Ngân	Lẻ
24	000090	1201020312	Nguyễn Thị	Kim	14/08/2006	KD12B	Nữ	02	547	7,8	01	Ngân	Chẵn
25	000091	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	Nữ	02	548	4,8	01	Nguyệt	Lẻ
26	000092	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	Nữ	02	549	0,9	01	Nhi	Chẵn
27	000093	1201020338	Tăng Hoàng	Yến	27/05/2006	KD12B	Nữ	02	550	3,4	01	Nhi	Lẻ
28	000094	1201021773	Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	Nữ	02	551	0,6	01	Nhung	Chẵn
29	000095	1201020359	Ngô Thị	Minh	19/02/2006	KD12B	Nữ	02	552	2,9	01	Phuong	Lẻ
30	000096	1201020368	Ngô Ngọc	Quỳnh	03/03/2006	KD12B	Nữ	02	553	1,5	01	Quỳnh	Chẵn
31	000097	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	Nữ	02	554	2,8	01	Thảo	Lẻ
32	000098	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	Nữ	02	555	6,9	01	Thảo	Chẵn
33	000099	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	Nữ	02	556	2,1	01	Thảo	Lẻ
34	000100	1201020393	Nguyễn Thị	Phương Thảo	17/08/2006	KD12B	Nữ	02	557	1,2	01	Thảo	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 33...
Tổng số tờ giấy thi: 33...
Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Liên

Thương Thị Hoàng Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000101	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	Nữ	02	1	7,4	01	Thu	le
2	000102	1101020283	Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	Nữ	02	2	4,7	01	Thương	Chai
3	000103	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	Nữ	02	3	5,8	01	Thúy	lu'
4	000104	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	Nam	02	\	\	\	\	ĐK
5	000105	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	Nữ	02	4	5,4	01	Toán	le'
6	000106	1101021347	Phạm Bảo	Trân	19/01/2005	KD12B	Nữ	02	5	4,1	01	hien	Chai
7	000107	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	Nữ	02	6	6,8	01	Quỳnh	le'
8	000108	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	Nữ	02	7	4,5	01	Trang	Chai
9	000109	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	Nữ	02	8	8,0	01	Trang	le
10	000110	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	Nữ	02	9	3,7	1	Tươi	Chai
11	000111	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	Nữ	02	10	7,7	1	Vi	le'
12	000112	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	Nữ	02	11	4,7	1	Vy	Chai
13	000113	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	Nữ	02	12	5,9	1	Yến	le'
14	000114	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	Nữ	03	13	3,3	1	Anh	Chai
15	000115	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	Nam	03	\	\	\	\	ĐK
16	000116	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	Nữ	03	14	4,2	1	Anh	Chai
17	000117	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	Nữ	03	15	9,5	1	Anh	le'
18	000118	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	Nữ	03	\	\	\	\	HP, ĐK
19	000119	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	Nữ	03	16	6,2	01	Chi	le'
20	000120	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	Nữ	03	17	6,7	02	Cuc	Chai
21	000121	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	Nam	03	18	9,0	01	Đạt	le'
22	000122	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	Nữ	03	19	8,0	01	Diễm	Chai
23	000123	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	Nữ	03	20	8,0	01	Diệu	le'
24	000124	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	Nữ	03	21	8,5	01	Dung	HP Chai
25	000125	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	Nữ	03	\	\	\	\	ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 21...
Tổng số tờ giấy thi: 21...
Tổng số biên bản: 21...

Cán bộ coi thi 1

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Chị
Nguyễn Thị Thanh

Lê Thị Mui Hoa



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000126	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	Nữ	03	619	1,1	1	Dương	chấn
2	000127	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	Nữ	03	620	5,0	1	Giang	le
3	000128	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	Nữ	03	621	không xác định	1	Hà	chấn
4	000129	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	Nữ	03	622	7,4	1	Hằng	le
5	000130	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	Nữ	03	623	1,2	1	Hiền	chấn
6	000131	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	Nam	03	624	7,0	1	Hiếu	le
7	000132	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	Nữ	03	625	1,2	1	Hoài	chấn HP
8	000133	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	Nữ	03	626	3,8	1	Thủy	le
9	000134	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	Nữ	03	627	1,3	1	Huyền	chấn
10	000135	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	Nữ	03	628	3,8	1	Khanh	le
11	000136	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	Nam	03	629	6,3	1	Khánh	chấn
12	000137	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	Nữ	03	630	6,4	1	Lam	le
13	000138	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	Nữ	03	631	7,7	1	Lan	chấn
14	000139	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	Nữ	03	632	1,8	1	Linh	le
15	000140	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	Nữ	03					HP, ĐK
16	000141	1201020261	Vũ Thị Thùy	Linh	13/10/2006	KD12C	Nữ	03					ĐK
17	000142	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	Nam	03	633	1,9	1	Giáo	chấn
18	000143	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	Nữ	03	634	9,2	1	Nga	le
19	000144	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	Nữ	03	635	1,6	1	Ngân	chấn
20	000145	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	Nữ	03	636	3,4	1	Ngọc	le
21	000146	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	Nữ	03	637	3,3	1	Ngọc	chấn
22	000147	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	Nữ	03	638	5,9 - không	1	Nhài	le BB
23	000148	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	Nữ	03	639	5,9	1	Nhi	chấn BB
24	000149	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	Nữ	03	640	6,7 - không	1	Nhung	le BB
25	000150	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	Nữ	03	641	1,2	1	Phương	chấn
26	000151	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	Nữ	03	642	7,0	1	Phùng	le
27	000152	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	Nữ	03	643	1,8	1	Quỳnh	chấn
28	000153	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	Nữ	03	644	7,2	1	Tâm	le
29	000154	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	Nữ	03	645	4,0	1	Thảo	chấn
30	000155	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	Nữ	03	646	3,6	1	Thư	le
31	000156	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	Nữ	03	647	1,7	1	Thùy	chấn
32	000157	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	Nữ	03	648	3,0	1	Trang	le
33	000158	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	Nữ	03	649	7,3	1	Trang	chấn
34	000159	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	Nữ	03	650	5,4	1	Trang	le

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 2

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thảo



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000160	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	Nữ	03	186	4,7	1	Trang	chẵn
2	000161	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	Nam	03	187	1,2	1	Trung	lẻ
3	000162	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	Nữ	03	188	5,2	1	Uyên	chẵn
4	000163	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	Nữ	03	189	5,9	1	Vi	lẻ
5	000164	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	Nữ	03	190	3,8	1	Xuân	chẵn
6	000165	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yên	23/07/2006	KD12C	Nữ	03	191	8,0	1	Yên	lẻ
7	000166	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	Nam	03	192	0,9	1	An	HP
8	000167	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	Nữ	04	193	4,5	1	Anh	lẻ
9	000168	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	Nữ	04	194	3,2	1	Anh	chẵn
10	000169	1201020075	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	Nữ	04					ĐK
11	000170	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	Nữ	04	195	4,3	1	Phan	chẵn
12	000171	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	196	5,7	1	Anh	lẻ
13	000172	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	Nữ	04	197	1,2	1	Ánh	chẵn
14	000173	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	Nữ	04	198	3,1	1	Anh	lẻ
15	000174	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	Nữ	04	199	6,0	1	Chi	chẵn
16	000175	1201021477	Phạm Lê	Diễm	23/06/2006	KD12D	Nữ	04	200	5,5	1	Diễm	lẻ
17	000176	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	Nữ	04	201	7,0	1	Dung	chẵn
18	000177	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	Nữ	04	202	7,7	1	Dương	lẻ
19	000178	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	Nữ	04	203	3,9	1	Giang	chẵn
20	000179	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	Nữ	04					HP, ĐK
21	000180	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	Nữ	04	204	7,5	1	Hân	chẵn
22	000181	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	Nữ	04	205	5,0	1	Hạnh	lẻ
23	000182	1101020958	Trần Thị Thúy	Hiền	29/12/2005	KD12D	Nữ	04	206	1,2	1	Thúy	chẵn
24	000183	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	Nam	04	207	0,6	1	Hình	lẻ
25	000184	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	Nữ	04	208	6,7	1	Hương	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: *23*.....

Tổng số tờ giấy thi: *23*.....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *11* tháng *12* năm *2025*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Thanh Vân

Đỗ Thị Hương



463 - 495

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000185	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	463	4,0	1	Huyền	le'
2	000186	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	Nữ	04	464	5,1	1	Khanh	chào
3	000187	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	Nam	04	465	2,5	1	Khôi	le'
4	000188	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	Nam	04	466	1,3	1	Lâm	chào
5	000189	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	Nữ	04	467	7,1	1	lan	le'
6	000190	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	Nữ	04	468	6,6	1	Linh	chào
7	000191	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	Nữ	04	469	3,9	1	Linh	le'
8	000192	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	Nữ	04	470	3,7	1	ly	chào
9	000193	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	Nữ	04	471	5,5	1	Mẫn	le'
10	000194	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	Nữ	04	472	không sau 2,6	1	Minh	chào
11	000195	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	Nữ	04	472	7,0	1	My	le'
12	000196	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	Nữ	04	474	6,1	1	Ngân	chào
13	000197	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	Nữ	04	475	3,6	1	Ngọc	le'
14	000198	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	Nữ	04	476	8,3	1	472	chào
15	000199	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	Nữ	04	477	5,7	1	nhi	le'
16	000200	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	Nữ	04	478	5,4	1	Ánh	chào
17	000201	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	Nữ	04	479	4,0	1	Ninh	le'
18	000202	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	Nam	04	480	1,4	1	Phương	chào
19	000203	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	Nữ	04	481	8,2	1	phương	le'
20	000204	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	Nữ	04					HP,ĐK
21	000205	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	Nam	04	482	7,0	1	Tân	le'
22	000206	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	Nữ	04	483	4,1	1	Thảo	chào
23	000207	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	Nữ	04	484	6,3	1	Thảo	le'
24	000208	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	Nữ	04	485	5,8	1	Thủy	chào
25	000209	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	Nữ	04	486	7,3	1	Trà	le'
26	000210	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	Nữ	04	487	1,5	1	Thu	chào
27	000211	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	Nữ	04	488	7,1	1	Trang	le'
28	000212	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	Nữ	04	489	3,7	1	Trang	chào
29	000213	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	Nữ	04	490	7,8	1	Trang	le'
30	000214	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	Nữ	04	491	4,8	1	Trang	chào
31	000215	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	Nữ	04	492	7,5	1	Uyên	le'
32	000216	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	Nam	04	493	không sau 0,8	1	Vĩ	chào
33	000217	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	Nữ	04	494	5,7	1	Thu	le'
34	000218	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	Nữ	04	495	1,1	1	Yến	chào

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Văn

Phạm Thị Mỹ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000219	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	Nữ	05	327	5,5	1	Anh	Lẻ
2	000220	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	Nữ	05	328	2,4	1	Anh	Chẵn
3	000221	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	329	7,3	1	Anh	Lẻ
4	000222	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	Nữ	05	330	4,7	1	Anh	Lẻ
5	000223	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	Nữ	05	331	5,8	1	Ánh	Lẻ
6	000224	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	Nữ	05	332	7,0	1	Chi	chẵn
7	000225	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	Nam	05	333	5,3	1	Cường	Lẻ
8	000226	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	Nữ	05	334	1,5	1	Diễm	Chẵn
9	000227	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	Nữ	05	335	3,5	1	Diệp	Lẻ
10	000228	1201021693	Hà Thị	Dị	05/12/2006	KD12E	Nữ	05	336	3,6	1	Hà	chẵn
11	000229	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	Nữ	05	337	6,4	1	Lê	Lẻ
12	000230	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	Nữ	05	338	4,9	1	Dương	Chẵn
13	000231	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	Nữ	05	339	5,1	1	Hà	Lẻ
14	000232	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	Nữ	05	340	4,6	1	Hà	chẵn
15	000233	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	Nữ	05	341	3,5	1	Hân	Lẻ
16	000234	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	Nữ	05	342	4,5	1	Hạnh	chẵn
17	000235	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	Nữ	05	343	1,7	1	Đỗ	Lẻ
18	000236	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	Nữ	05	344	7,0	1	Hoa	chẵn
19	000237	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	Nữ	05	345	4,1		Hồng	Lẻ
20	000238	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	Nữ	05				Ngô	thi
21	000239	1201020200	Nguyễn Khánh	Hương	28/12/2006	KD12E	Nữ	05	346	4,5	1	Hương	Lẻ
22	000240	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	Nữ	05	347	4,6	1	Huyền	Chẵn
23	000241	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	348	6,0	1	Khánh	Lẻ
24	000242	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	Nữ	05	349	6,5	1	Khuê	Chẵn
25	000243	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	Nam	05	350	6,5	1	Lâm	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 24.....

Tổng số tờ giấy thi: 24.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 31... tháng 12 năm 2015.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Mur
Vũ Thị Thảo

M
Trương Thị Tuyết Nhung



378-410

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000244	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	Nữ	05	378	7,3	01	<i>Được</i>	Chấn
2	000245	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	Nữ	05	379	6,9	01	<i>lin</i>	<i>l2</i>
3	000246	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	Nữ	05	380	2,1	01	<i>Loan</i>	chấn
4	000247	1201020272	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	Nữ	05	381	5,0	01	<i>Lưu</i>	<i>l2</i>
5	000248	1201020285	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	Nữ	05	382	4,7	01	<i>Mai</i>	chấn
6	000249	1201021654	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	Nữ	05	383	8,0	01	<i>Mai</i>	<i>l2</i>
7	000250	1201020293	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	384	1,6	01	<i>Mil</i>	chấn
8	000251	1201020314	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	Nam	05	385	5,9	01	<i>Ngát</i>	<i>l2</i>
9	000252	1201020320	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	Nữ	05	386	6,6	01	<i>Ngọc</i>	chấn
10	000253	1201021600	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	Nữ	05	387	6,6	01	<i>Nguyễn</i>	<i>l2</i>
11	000254	1201021813	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	Nữ	05	388	3,1	01	<i>Nhi</i>	chấn
12	000255	1201020341	Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	Nữ	05	389	8,0	01	<i>Nhi</i>	<i>l2</i>
13	000256	1201020343	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	Nữ	05	390	7,7	01	<i>Ninh</i>	<i>l2</i>
14	000257	1201020348	Nguyễn Thị Huyền	Nhu	03/02/2006	KD12E	Nữ	05	391	5,7	02	<i>Phước</i>	chấn
15	000258	1201020354	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	Nữ	05	392	2,2	01	<i>Quỳnh</i>	<i>l2</i>
16	000259	1201021505	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	Nữ	05	393	5,5	01	<i>Thanh</i>	chấn
17	000260	1201020379	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	Nữ	05	394	7,1	01	<i>Thảo</i>	<i>l2</i>
18	000261	1201020390	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	Nữ	05	395	8,1	01	<i>Thư</i>	chấn
19	000262	1201020404	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	Nữ	05	396	6,4	01	<i>Thuy</i>	<i>l2</i>
20	000263	1201020417	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	Nữ	05	397	7,8	02	<i>Trâm</i>	chấn
21	000264	1201021670	Trần Thu	Thùy	19/08/2006	KD12E	Nữ	05	398	6,0	01	<i>Trang</i>	<i>l2</i>
22	000265	1201020436	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	Nữ	05	399	6,2	01	<i>Trang</i>	chấn
23	000266	1201020446	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	Nữ	05	400	6,0	01	<i>Trang</i>	<i>l2</i>
24	000267	1201020452	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	Nữ	05	401	3,0	01	<i>ĐK</i>	chấn
25	000268	1201020684	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	Nữ	05	402	7,2	01	<i>ĐK</i>	<i>l2</i>
26	000269	1201020468	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	Nữ	05	403	1,6	01	<i>Vân</i>	chấn
27	000270	1201020476	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	Nữ	05	404	6,8	01	<i>Anh</i>	<i>l2</i>
28	000271	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	Nam	05	405	4,7	01	<i>Chấn</i>	chấn
29	000272	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	Nữ	06	406	8,9	02	<i>Anh</i>	<i>l2</i>
30	000273	1201020069	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	Nữ	06	407	5,5	01	<i>Anh</i>	chấn
31	000274	1201020077	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	Nữ	06	408	5,9	01	<i>Anh</i>	chấn
32	000275	1201020084	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	Nữ	06	409	9,0	01	<i>Phi</i>	<i>l2</i>
33	000276	1201020093	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	410	7,3	01	<i>Chấn</i>	chấn
34	000277	1201020108	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	Nữ	06	411	1,6	01	<i>Vân</i>	chấn
35	000278	1201020108	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	Nữ	06	412	6,8	01	<i>Anh</i>	<i>l2</i>
36	000279	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	Nữ	06	413	4,7	01	<i>Chấn</i>	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 33
Tổng số tờ giấy thi: 36
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Vũ Ngọc Loan

Cán bộ coi thi 2

Trần Thu Nga

Ngày 31 tháng 12 năm 2025



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

chữ/le

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000278	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	Nữ	06	242	7,0	01	Đào	chẵn
2	000279	1201020114	Hoàng Thị	Điềm	10/01/2005	KD12G	Nữ	06	243	7,1	01	Điềm	le
3	000280	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	Nữ	06	244	7,5	01	Dịu	chẵn
4	000281	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	Nữ	06	245	7,1	01	Đào	le
5	000282	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	Nam	06	246	5,6	01	Duy	chẵn
6	000283	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	Nữ	06	247	2,2	01	Hà	le
7	000284	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	Nữ	06	248	0,6	01	Hải	chẵn
8	000285	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	Nữ	06	249	4,9	01	Hân	le
9	000286	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	Nữ	06	250	5,1	01	Hạnh	chẵn
10	000287	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	Nữ	06	251	0,9	01	Hiền	chẵn
11	000288	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	Nữ	06	252	8,6	02	Hiền	chẵn
12	000289	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	Nữ	06	253	5,5	01	Huế	le
13	000290	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	Nữ	06	254	4,6	01	Hương	chẵn
14	000291	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	Nam	06	255	5,3	01	Huy	le
15	000292	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	256	1,2	01	Huyền	chẵn
16	000293	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	Nam	06	257	5,5	01	Khánh	le
17	000294	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	Nam	06	258	1,1	01	Kiên	chẵn
18	000295	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	Nữ	06	259	0,6	01	Lan	le
19	000296	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	Nữ	06	260	6,2	01	Linh	chẵn
20	000297	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	Nữ	06	261	7,9	01	Hương	le
21	000298	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	Nữ	06	262	0,6	01	Loan	chẵn
22	000299	1201020274	Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	Nữ	06	263	0,6	01	Ly	le
23	000300	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	Nữ	06	264	1,2	01	Mai	chẵn
24	000301	1201020295	Nguyễn Tiên	Minh	23/10/2006	KD12G	Nam	06	265	không	01	Minh	le
25	000302	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	Nam	06	266	1,9	01	Nam	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 25
Tổng số tờ giấy thi: 26
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Tiến Thịnh

Nguyễn Thị Ngọc Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000303	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	Nữ	06	209	3,3	1	<u>Ru</u>	lẻ
2	000304	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	Nam	06	210	1,8	1	Nghiêm	chẵn
3	000305	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	Nữ	06	211	3,2	1	Nhi	lẻ
4	000306	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	Nữ	06	212	8,0	1	Như	chẵn
5	000307	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	Nữ	06	213	7,0	1	Oanh	lẻ
6	000308	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	Nam	06	214	5,3	1	Phát	chẵn
7	000309	1201020357	Đỗ Thu	Phuong	05/12/2006	KD12G	Nữ	06	215	5,8	1	Phuong	lẻ
8	000310	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	Nữ	06	216	8,4	1	Phượng	chẵn
9	000311	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	Nữ	06	217	6,7	1	Quỳnh	lẻ
10	000312	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	Nữ	06	218	7,5	1	Thảo	chẵn
11	000313	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	Nữ	06					HP
12	000314	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	Nữ	06	219	6,2	1	Thảo	chẵn
13	000315	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	Nữ	06	220	4,3	1	Thư	lẻ
14	000316	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	Nữ	06	221	7,0	1	Thủy	chẵn
15	000317	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	Nữ	06	222	7,4	1	Trâm	lẻ
16	000318	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	Nữ	06	223	7,5	1	Trang	chẵn
17	000319	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	Nữ	06	224	1,7	1	Trang	lẻ
18	000320	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	Nữ	06	225	0,6	1	Trang	HP chẵn
19	000321	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	Nam	06	226	1,4	1	Trung	lẻ
20	000322	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	Nam	06	227	4,8	1	Tuấn	chẵn
21	000323	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	Nữ	06	228	6,2	1	Vân	lẻ
22	000324	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	Nam	06	229	2,9	1	Vũ	chẵn
23	000325	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	Nam	07	230	1,2	1	Hiền	lẻ
24	000326	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	Nữ	07	231	7,6	1	Anh	chẵn
25	000327	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	Nữ	07	232	8,0	1	Anh	lẻ
26	000328	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	Nữ	07	233	5,8	1	P.Anh	chẵn
27	000329	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	Nam	07	234	6,1	1	Anh	lẻ
28	000330	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	Nữ	07	235	6,6	1	Anh	chẵn
29	000331	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	Nữ	07	236	8,0	1	Anh	lẻ
30	000332	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	Nữ	07	237	2,8	1	Ánh	chẵn
31	000333	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	Nữ	07	238	7,4	1	Chi	lẻ
32	000334	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	Nam	07	239	0,6	1	Tiến	chẵn
33	000335	1101010792	Nguyễn Ngọc	Diệp	06/02/2005	TC12A	Nữ	07	240	0,6	1	Diệp	lẻ
34	000336	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	Nữ	07	241	6,9	1	Dung	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Lệ

Nguyễn Hữu Quý



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000337	1201011218	Trần Thuỷ	Dương	09/05/2006	TC12A	Nữ	07	164	1,5		Dương	Lẻ
2	000338	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	Nam	07					Vắng
3	000339	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	Nữ	07	165	3,0		Duyên	Lẻ
4	000340	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	Nam	07	166	8,0		Hà	Chẵn
5	000341	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	Nữ	07	167	6,2		Hà	Lẻ
6	000342	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	Nữ	07	168	4,7		Hằng	Chẵn
7	000343	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	Nữ	07	169	1,4		Hiếu	Lẻ
8	000344	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	Nam	07	170	3,7		Hiếu	Chẵn
9	000345	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	Nữ	07	171	7,9		Hoài	Lẻ
10	000346	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	TC12A	Nam	07					Vắng
11	000347	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	Nữ	07	172	4,9		Huệ	Lẻ
12	000348	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	Nam	07	173	4,3		Huy	Chẵn
13	000349	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	Nữ	07	174	7,7		Lan	Lẻ
14	000350	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	Nữ	07	175	2,8		Linh	Chẵn
15	000351	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	Nữ	07	176	1,5		Linh	Lẻ
16	000352	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	Nữ	07					Vắng
17	000353	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	Nữ	07	177	8,8		Linh	Lẻ
18	000354	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	Nữ	07	178	0,8		Linh	Chẵn
19	000355	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	Nữ	07	179	4,6		Linh	Lẻ
20	000356	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	TC12A	Nữ	07	180	3,3		Pháp	Chẵn
21	000357	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	Nữ	07	181	6,1		Mai	Lẻ
22	000358	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	Nữ	07	182	3,6		Mai	Chẵn
23	000359	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	Nam	07	183	7,2		Minh	Lẻ
24	000360	1201011334	Đình Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	Nam	07	184	3,0		Minh	Chẵn
25	000361	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	Nữ	07	185	7,0		Ngân	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 22
Tổng số tờ giấy thi: 22
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thuý Dung

Trần Thị Lý



590 - 618

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000362	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	TC12A	Nữ	07	590	5,2	01	Ngọc	chấn
2	000363	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	Nữ	07	591	6,0	1	Ngọc	le'
3	000364	1201011358	Dư Thị Thảo	Nguyễn	17/01/2006	TC12A	Nữ	07	592	8,3	1	Nguyễn	chấn
4	000365	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	Nữ	07					DK
5	000366	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	Nữ	07	593	4,1	01	Nhung	chấn
6	000367	1201011380	Hoàng Lan	Phương	13/08/2006	TC12A	Nữ	07					HP, DK
7	000368	1201011382	Nguyễn Nam	Phương	01/10/2006	TC12A	Nam	07	594	3,0	01	Phương	chấn
8	000369	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyền	11/10/2006	TC12A	Nam	07	595	5,2	01	Nguyễn	le'
9	000370	1201011397	Trần Thái	Sơn	16/06/2006	TC12A	Nam	07					HP
10	000371	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	Nữ	07	596	7,9	01	Tâm	le'
11	000372	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	Nữ	07	597	8,3	01	Tâm	chấn
12	000373	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	Nữ	07	598	1,2	01	Thảo	le'
13	000374	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	Nữ	07	599	5,9	01	Thảo	chấn
14	000375	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	Nam	07	600	4,0	01	Thọ	le'
15	000376	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	Nữ	07					
16	000377	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	Nữ	07	601	6,4	01	Thùy	le'
17	000378	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	Nữ	07	618	8,5	01	Trâm	chấn
18	000379	1201011437	Đỗ Hà	Trình	04/11/2006	TC12A	Nữ	07	602	3,7	01	Trình	le'
19	000380	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	Nam	07	603	1,7	01	Tú	chấn
20	000381	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	Nam	07	604	2,5	1	Tùng	le'
21	000382	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	Nữ	08	605	5,9	1	Anh	chấn
22	000383	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	Nữ	08	606	8,0	1	PANR	le'
23	000384	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	Nữ	08	607	5,7	01	Anh	chấn
24	000385	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	Nữ	08	608	7,5	01	Anh	le'
25	000386	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	Nữ	08	609	0,6	01	Anh	chấn
26	000387	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	Nữ	08	610	4,8	01	Anh	le'
27	000388	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	Nữ	08	611	2,7	1	Bảo	chấn
28	000389	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	Nam	08	612	6,5	1	Đạt	le'
29	000390	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	Nam	08	613	3,2	01	Duy	chấn
30	000391	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	Nam	08					HP, DK
31	000392	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	Nam	08	614	0,9	01	Hải	chấn
32	000393	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	Nữ	08	615	9,1	1	Hạnh	le'
33	000394	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	Nữ	08	616	6,4	1	Hiền	chấn
34	000395	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	Nam	08	617	6,8	1	Hiếu	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 29
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Đỗ Thị Huyền Thanh

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Phan Huyền

Ngày 31 tháng 12 năm 2025



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000396	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	Nữ	08	441	4,1	1	Hoa	Chấn
2	000397	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	Nam	08					HP,DK
3	000398	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	Nữ	08	442	4,5	1	Hương	Chấn
4	000399	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	Nữ	08	443	4,3	1	Huyền	Lê
5	000400	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	Nam	08					HP,DK
6	000401	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	Nữ	08	444	2,5	1	Linh	Lê
7	000402	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	Nữ	08	445	8,6	1	Linh	Chấn
8	000403	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	Nữ	08	446	7,5	1	Linh	Lê
9	000404	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	Nữ	08	447	8,4	1	Khánh	Chấn
10	000405	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	Nữ	08	448	6,0	1	Linh	Lê
11	000406	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	Nữ	08	449	7,2	1	Linh	Chấn
12	000407	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	Nam	08	450	5,0	1	Long	Lê
13	000408	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	Nữ	08	451	6,9	1	Mai	Chấn
14	000409	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	Nam	08	452	7,7	1	Quang	Lê
15	000410	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	Nam	08	453	6,7	1	Minh	Chấn
16	000411	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	Nữ	08					Vây
17	000412	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	Nữ	08	454	7,0	1	Ngọc	Chấn
18	000413	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	Nữ	08	455	6,5	1	Ngọc	Lê
19	000414	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyên	30/01/2006	TC12B	Nữ	08	456	5,5	1	Nguyễn	Chấn
20	000415	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	Nữ	08	457	2,2	1	Nhi	Lê
21	000416	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	Nữ	08	458	3,8	1	Nhi	Chấn
22	000417	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	Nữ	08	459	3,6	1	Nhung	Lê
23	000418	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	Nam	08	460	0,6	1	Phong	Chấn
24	000419	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	Nam	08	461	7,8	1	Phú	Lê
25	000420	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	Nữ	08	462	3,5	1	Phương	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi:...*22*
Tổng số tờ giấy thi:.....*22*
Tổng số biên bản:.....*0*.....

Ngày *31* tháng *12* năm *2025* *2*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Duyên

Đào Thị Hồng Xiem



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000421	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	Nữ	08	558	3,9	01	Phuong	le
2	000422	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	Nam	08	559	3,4	01	Quang	chấn
3	000423	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	Nam	08	560	5,3	01	Quyết	le
4	000424	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	Nữ	08	561	3,7	1	Tâm	chấn
5	000425	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	Nam	08	562	8,3	01	Tâm	le
6	000426	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	Nữ	08	563	4,2	0,1	Thanh	chấn
7	000427	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	Nữ	08	564	5,4	01	Thảo	le
8	000428	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	Nữ	08	565	2,9	01	Thảo	chấn
9	000429	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	Nam	08	566	6,8	01	Thuận	le
10	000430	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	Nữ	08	567	8,0	01	Trà	chấn
11	000431	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	Nam	08	568	4,8	01	Trường	le
12	000432	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	Nam	08	569	2,9	01	Tú	chấn
13	000433	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	Nữ	08	570	5,6	01	Vy	le
14	000434	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	Nam	09	571	2,6	01	Anh	chấn
15	000435	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	Nữ	09	572	4,3	01	Anh	le
16	000436	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	Nữ	09	573	1,2	01	Mai Anh	chấn
17	000437	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	Nữ	09	574	3,8	01	Anh	le' BB-10%
18	000438	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	Nam	09					ĐK
19	000439	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	Nữ	09	575	4,1	01	Anh	le'
20	000440	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	Nữ	09	576	2,7	01	Phạm	chấn
21	000441	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	Nam	09	577	4,5	01	Anh	le'
22	000442	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	Nữ	09	578	3,7	01	Anh	chấn
23	000443	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	Nam	09	579	7,1	01	Đỗ	le'
24	000444	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	Nam	09	580	1,2	01	Đạt	chấn
25	000445	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	Nam	09	581	4,5	01	Đạt	le'
26	000446	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	Nam	09	582	1,7	01	Dũng	chấn
27	000447	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	Nữ	09	583	5,6	01	Phạm	le'
28	000448	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	Nam	09	584	3,2	01	Hải	chấn
29	000449	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	Nữ	09	585	5,5	01	Hằng	le'
30	000450	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	Nam	09	586	2,4	01	Hiệp	chấn
31	000451	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	Nam	09	587	3,0	01	Hùng	le'
32	000452	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	Nam	09	588	4,7	01	Huy	chấn
33	000453	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	Nam	09	589	4,6	01	Huy	
34	000454	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	Nam	09					HP ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 32
Tổng số tờ giấy thi: 32
Tổng số biên bản: 32

Cán bộ coi thi 1

Phan Thuý Nga

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Vũ T.T. Dung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

Đề (chẵn/lẻ)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000455	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	Nam	09	810	4,0	1	Khánh	Lẻ
2	000456	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	Nữ	09	811	2,5	1	Lan	Chẵn
3	000457	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	Nữ	09	812	5,3	1	Linh	Lẻ
4	000458	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	Nữ	09	813	1,3	1	Linh	Chẵn
5	000459	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	Nữ	09	814	1,2	1	Linh	Lẻ
6	000460	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	Nữ	09	815	1,2	1	Linh	Chẵn
7	000461	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	Nữ	09	816	3,5	1	Linh	Lẻ
8	000462	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	Nam	09	817	7,7	1	Minh	Chẵn
9	000463	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	Nữ	09	818	1,1	1	My	Lẻ
10	000464	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	Nam	09	819	7,8	1	Nam	Chẵn
11	000465	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	Nữ	09	820	2,9	01	Nữ	HP Lẻ
12	000466	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	Nam	09	821	5,4	1	Nguyên	Chẵn
13	000467	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	Nữ	09	822	không chẵn	1	Danh	Lẻ
14	000468	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	Nam	09					ĐK
15	000469	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	Nữ	09	823	không chẵn	1	Phương	Lẻ
16	000470	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	Nữ	09	824	7,8	1	phương	Chẵn
17	000471	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	Nữ	09	825	2,6	1	quỳnh	Lẻ
18	000472	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	Nam	09	826	2,7	1	Son	Chẵn
19	000473	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	Nam	09	827	4,7	1	Thông	Lẻ
20	000474	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	Nữ	09	828	4,9	1	Thư	Chẵn
21	000475	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	Nữ	09	829	6,5	1	Trà	Lẻ
22	000476	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	Nam	09	830	1,8	1	Tú	Chẵn
23	000477	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	Nam	09	831	5,5	1	Tuấn	Lẻ
24	000478	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	Nam	09	832	không chẵn	1	Uy	Chẵn 66%
25	000479	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	Nữ	09	833	5,1	1	Hải	Lẻ
26	000480	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	Nữ	10	834	5,0	1	Anh	Chẵn
27	000481	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	Nam	10					HP, ĐK
28	000482	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	Nam	10	835	1,2	1	Anh	Chẵn
29	000483	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	Nữ	10	836	không chẵn	1	Anh	HP Lẻ
30	000484	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	Nữ	10	837	1,2	1	Lan Anh	Chẵn
31	000485	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	Nữ	10	838	4,1	1	Anh	Lẻ
32	000486	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	Nam	10	840	không chẵn	1	Bảo	Chẵn
33	000487	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	Nữ	10	841	9,2	1	Chinh	Lẻ
34	000488	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	Nam	10	839	không chẵn	1	Đạt	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....32

Tổng số tờ giấy thi:.....32

Tổng số biên bản:.....01

Ngày ..31 tháng ..12 Năm2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Minh Tâm

Nguyễn T. Ngọc Anh



722 - 754

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000489	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	Nam	10	722	3,7	1	Đức	lẻ
2	000490	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	Nam	10					
3	000491	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	Nữ	10	723	5,4	1	Hân	lẻ
4	000492	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	Nữ	10	724	7,6	1	Hiền	chẵn
5	000493	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	Nam	10	725	3,1	1	Hiếu	lẻ
6	000494	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	Nam	10	726	1,7	1	Hiếu	chẵn
7	000495	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	Nam	10	727	3,2	1	Huy	lẻ
8	000496	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	Nữ	10	728	3,4	1	Huệ	chẵn
9	000497	1201011273	Nguyễn Đức	Hung	18/01/2006	NH12B	Nam	10	729	6,4	1	Hung	lẻ
10	000498	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	Nữ	10	730	7,3	1	Hường	chẵn
11	000499	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	Nam	10	731	4,1	1	Huy	lẻ
12	000500	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	Nam	10	732	6,5	1	Huy	chẵn
13	000501	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	Nữ	10	733	5,5	1	Huyền	lẻ
14	000502	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	Nam	10	734	3,0	1	Khoa	chẵn
15	000503	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	Nam	10	735	5,9	1	Liêm	lẻ
16	000504	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	Nữ	10	736	6,5	1	Linh	chẵn
17	000505	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	Nữ	10	737	7,4	1	Linh	lẻ
18	000506	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	Nữ	10	738	4,3	1	Linh	chẵn
19	000507	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	Nữ	10	739	4,7	1	Ly	lẻ
20	000508	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	Nữ	10	740	4,4	1	My	chẵn
21	000509	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	Nữ	10	741	7,3	1	My	lẻ
22	000510	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	Nam	10	742	2,9	1	Nam	chẵn
23	000511	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	Nữ	10	743	1,9	1	Ngọc	lẻ
24	000512	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	Nam	10	744	2,2	1	Phúc	chẵn
25	000513	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	Nam	10	745	6,6	1	Phúc	lẻ
26	000514	1201011379	Đào Minh	Phương	13/02/2006	NH12B	Nữ	10	746	2,4	1	Phương	chẵn
27	000515	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	Nam	10	747	6,0	1	Quân	lẻ
28	000516	1201011394	Giáp Hồng	Sơn	24/07/2006	NH12B	Nam	10	748	3,7	1	Sơn	chẵn
29	000517	1201011396	Nguyễn Thế	Sơn	30/12/2005	NH12B	Nam	10	749	7,3	1	Thế	lẻ
30	000518	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	Nam	10	750	0,6	1	Thắng	chẵn
31	000519	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	Nữ	10	751	4,8	1	Thư	lẻ
32	000520	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	Nữ	10	752	6,2	1	Trang	chẵn
33	000521	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	Nam	10	753	1,2	1	Tuấn	lẻ
34	000522	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	Nam	10	754	3,3	1	Tuấn	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 33...

Tổng số tờ giấy thi: 33...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 31... tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thúy

Nguyễn Thị Thu



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000523	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	Nam	10	755	4,6	01	Việt	lẻ
2	000524	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	Nữ	10	756	6,5	01	Yến	chẵn
3	000525	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	Nữ	11	757	4,5	01	Anh	lẻ
4	000526	1201030703	Hồ Vũ Văn	Anh	31/10/2006	QT12A	Nữ	11	758	5,1	01	Anh	chẵn
5	000527	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	Nữ	11	759	7,0	01	Anh	lẻ
6	000528	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	Nam	11					HP, ĐK
7	000529	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	Nam	11	760	1,2	01	Phú	lẻ
8	000530	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	Nữ	11	761	2,4	01	Mai	chẵn
9	000531	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	Nam	11	762	4,9	01	Bách	lẻ
10	000532	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	Nam	11	763	1,9	01	Bình	chẵn
11	000533	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	Nữ	11	764	4,7	01	Chi	lẻ
12	000534	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	Nam	11	765	2,8	01	Cương	chẵn
13	000535	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	Nam	11					ĐK
14	000536	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	Nữ	11	766	1,4	01	Huyền	chẵn
15	000537	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	Nam	11	767	5,8	01	Tiến	lẻ
16	000538	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	Nam	11					HP, ĐK
17	000539	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	Nam	11	768	1,2	01	Đan	lẻ
18	000540	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	Nam	11	769	1,1	01	Phong	chẵn
19	000541	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	Nữ	11	770	3,9	01	Duyên	lẻ
20	000542	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	Nam	11	771	5,3	01	Ngọc	chẵn
21	000543	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	Nam	11	772	9,7	01	Tuấn	lẻ
22	000544	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	Nữ	11	773	3,3	01	Hồng	chẵn
23	000545	1201031733	Bùi Đặng Minh	Hiền	08/10/2006	QT12A	Nam	11	774	2,9	01	Minh	lẻ
24	000546	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	Nữ	11	775	2,9	01	Thanh	chẵn
25	000547	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	Nữ	11	776	2,5	01	Thu	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: *22*
Tổng số tờ giấy thi: *22*
Tổng số biên bản: *2*

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Dao

Ngày *21* tháng *12* năm *2025*

Cán bộ coi thi 2

Bùi Chí Minh Phương



141-163

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

chẩn / lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000548	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	Nữ	11	141	0,9	1	Hồng	chẩn
2	000549	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	Nam	11	142	0,8	1	Hùng	lẻ
3	000550	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	Nữ	11	143	1,2	1	Hường	chẩn
4	000551	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	Nam	11	144	0,5	1	Khánh	lẻ
5	000552	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	Nam	11					DK
6	000553	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	Nam	11	145	0,9	1	Khoa	lẻ
7	000554	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	Nam	11	146	7,0	1	Linh	chẩn
8	000555	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	Nữ	11	147	5,4	1	Thùy	lẻ
9	000556	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	Nữ	11	148	0,3	1	Phan	chẩn
10	000557	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	Nam	11	149	0,6	1	Long	lẻ
11	000558	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	Nữ	11	150	2,0	1	Mai	chẩn
12	000559	1201030965	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	03/07/2006	QT12A	Nam	11	151	0,9	1	Minh	lẻ
13	000560	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	Nam	11	152	1,4	1	Minh	chẩn
14	000561	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	Nam	11	153	4,6	1	M2	lẻ
15	000562	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	Nam	11					HP
16	000563	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	Nữ	11	154	0,9	1	Ngọc	lẻ
17	000564	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	Nữ	11	155	0,6	1	Như	chẩn
18	000565	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	Nữ	11	156	1,2	1	Phúc	lẻ
19	000566	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	Nữ	11	157	0,6	1	Phương	chẩn
20	000567	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	Nữ	11	158	5,1	1	Phương	lẻ
21	000568	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	03/11/2005	QT12A	Nữ	11	159	1,2	1	Quyên	chẩn
22	000569	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	Nam	11	160	1,2	1	Sang	lẻ
23	000570	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	Nam	11	161	7,1	1	Thành	chẩn
24	000571	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	Nữ	11	162	7,5	1	Thảo	lẻ
25	000572	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	Nữ	11	163	3,5	1	Thoa	chẩn

Tổng số sinh viên dự thi: 23
Tổng số tờ giấy thi: 23
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc

Lê Thị Loan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000573	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	Nữ	11	496	4,5	1	Thúy	Lẻ
2	000574	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	Nữ	11	497	1,2	1	Trang	chẵn
3	000575	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	Nữ	11					HP Vắng
4	000576	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	Nam	11	498	3,7	1	Triệu	chẵn
5	000577	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	Nam	11	499	0,9	1	Tuấn	lẻ
6	000578	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	Nữ	11	500	8,3	2	Uyên	chẵn
7	000579	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	Nam	11	501	0,6	1	Vũ	lẻ
8	000580	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	Nam	12	502	6,5	1	Anh	chẵn
9	000581	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	Nam	12	503	9,5	1	Anh	lẻ
10	000582	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	Nữ	12	504	7,7	1	Anh	chẵn
11	000583	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	Nữ	12	505	4,8	1	Anh	lẻ
12	000584	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	Nữ	12	506	6,2	1	Băng	chẵn
13	000585	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	Nam	12					ĐK
14	000586	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	Nam	12	507	1,5	1	Đức	chẵn
15	000587	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	Nữ	12	508	4,2	1	Dung	lẻ
16	000588	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	Nam	12	509	4,9	1	Dương	chẵn
17	000589	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	Nam	12					HP
18	000590	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	Nữ	12	510	3,5	01	Giang	chẵn
19	000591	1201031662	Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	Nam	12					ĐK
20	000592	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	Nữ	12	511	7,3	0,1	Hằng	chẵn
21	000593	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	Nam	12					HP Vắng
22	000594	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	Nữ	12	512	1,8	01	Hoa	chẵn
23	000595	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	Nữ	12	513	8,2	01	Hoài	lẻ
24	000596	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	Nam	12	514	2,1	01	Huân	chẵn
25	000597	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	Nữ	12	515	2,1	1	Huệ	lẻ
26	000598	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	Nam	12	516	mặt	01	Hùng	chẵn
27	000599	1201031650	Nguyễn Trung	Hưng	18/10/2006	QT12B	Nam	12	517	4,7	01	Hưng	lẻ
28	000600	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	Nam	12	518	2,9	01	Huy	chẵn
29	000601	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	Nam	12	519	5,6	01	Khánh	lẻ
30	000602	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	Nam	12	520	3,7	01	Khánh	chẵn
31	000603	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	Nam	12	521	9,5	01	Kiên	lẻ
32	000604	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	Nữ	12	522	4,1	01	Linh	chẵn
33	000605	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	Nữ	12	523	2,5	01	Linh	lẻ
34	000606	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	Nữ	12	524	1,9	01	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 30...

Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 21 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Minh Huệ

Trịnh Thị Hồng Thái



411-440

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000607	1201030934	Tô Thị Yên	Linh	25/12/2006	QT12B	Nữ	12	411	5,4	1	Linh	le
2	000608	1201030944	Nhữ Ngọc	Long	26/03/2006	QT12B	Nam	12					DK
3	000609	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	Nam	12	412	1,2	01	Huân	le
4	000610	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	Nam	12	413	1,4	01	Minh	chấn
5	000611	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	Nữ	12	414	9,4	01	My	le
6	000612	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	Nam	12	415	0,9	01	Năng	chấn
7	000613	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	Nữ	12	416	3,9	01	Ngọc	HP, le
8	000614	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	Nữ	12	417	5,6	01	Nguyệt	chấn
9	000615	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	Nữ	12	418	8,4	01	IS	le
10	000616	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	Nữ	12	419	2,0	01	Quyên	Chấn
11	000617	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	Nam	12	420	2,9	01	Thái	le
12	000618	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	Nữ	12	421	1,9	01	Thảo	chấn
13	000619	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	Nữ	12	422	1,1	01	Thu	le
14	000620	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	Nữ	12	423	2,1	01	Trà	chấn
15	000621	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	Nữ	12	424	6,8	01	Trang	le
16	000622	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	Nữ	12	425	1,2	01	Trang	chấn
17	000623	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	Nam	12	426	1,2	01	Triệu	le
18	000624	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	Nam	12	427	2,5	01	Tuyên	chấn
19	000625	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	Nữ	12	428	5,1	01	Uyên	le
20	000626	1201031150	Lê Ngọc	Yến	31/01/2006	QT12B	Nữ	12	429	2,7	01	Yến	chấn
21	000627	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	Nữ	13	430	1,5	01	Anh	le
22	000628	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	Nữ	13	431	2,1	01	Anh	chấn
23	000629	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	Nữ	13	432	2,7	01	Anh	le
24	000630	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	Nữ	13	433	0,6	01	Anh	chấn
25	000631	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	Nữ	13					HP, DK
26	000632	1201030734	Quản Vân	Anh	10/07/2006	QT12C	Nữ	13	434	0,6	01	Anh	chấn
27	000633	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	Nữ	13	435	5,3	01	Ánh	le
28	000634	1201031769	Nguyễn Đức	Cảnh	13/03/2006	QT12C	Nam	13					HP, DK
29	000635	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	Nam	13	436	9,0	01	Đặng	le
30	000636	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	Nam	13					DK
31	000637	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	Nam	13	437	3,3	01	Đức	le
32	000638	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	Nữ	13	438	2,7	01	Dung	chấn
33	000639	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	Nữ	13	439	2,4	01	Dương	le
34	000640	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	Nam	13	440	0,6	01	Dương	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 9

Cán bộ coi thi 1

Phạm Linh Chi

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Phương Hằng

Ngày 31 tháng 12 năm 2025



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000641	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	Nam	13	83	3,2	1	Duy	Đề lẻ
2	000642	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	Nữ	13	84	3,7	1	Hà	Chẵn
3	000643	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	Nam	13	85	3,5	1	Hải	Lẻ
4	000644	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	Nữ	13	86	1,2	1	Hằng	chẵn
5	000645	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	Nam	13	87	2,4	1	Hiếu	lẻ
6	000646	1201031553	Bé Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	Nữ	13					ĐK
7	000647	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	Nam	13	88	3,4	1	Huy	Lẻ
8	000648	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	Nam	13	89	0,6	1	Hùng	Chẵn
9	000649	1201030860	Đỗ Duy	Hung	29/09/2006	QT12C	Nam	13					HP, ĐK
10	000650	1201031660	Nguyễn Văn	Hung	05/12/2006	QT12C	Nam	13					HP
11	000651	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	Nữ	13	90	3,7	1	Huyền	Lẻ
12	000652	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	Nữ	13	91	4,1	1	Khánh	Chẵn
13	000653	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	Nam	13	92	1,5	1	Đào	Lẻ
14	000654	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	Nữ	13	93	1,8	1	Lan	HP chẵn
15	000655	1201030904	Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	Nữ	13					HP, ĐK
16	000656	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	Nữ	13	94	1,7	1	linh	Chẵn
17	000657	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	Nữ	13	95	3,4	1	linh	lẻ
18	000658	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	Nam	13	96	0,9	1	Long	Chẵn
19	000659	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	Nữ	13	97	3,4	1	ly	lẻ
20	000660	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	Nam	13	98	3,0	1	Mạnh	chẵn
21	000661	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	QT12C	Nam	13	99	1,5	1	Minh	lẻ
22	000662	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	Nam	13	100	2,0	1	Minh	chẵn
23	000663	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	Nữ	13	101	2,9	1	My	Lẻ
24	000664	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	Nam	13	102	3,5	1	Ngọc	chẵn
25	000665	1201031007	Phạm Thị Yến	Nhi	03/09/2006	QT12C	Nữ	13	103	3,0	1	Nhi	lẻ
26	000666	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	Nam	13	104	3,4	1	Quân	chẵn
27	000667	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	Nữ	13	105	6,7	1	Quỳnh	lẻ
28	000668	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	Nam	13	106	1,2	1	Thái	HP chẵn
29	000669	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	Nữ	13	107	2,0	1	Thảo	lẻ
30	000670	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	Nam	13	108	1,7	1	Thọ	Chẵn
31	000671	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	Nữ	13	109	1,2	1	Trang	lẻ
32	000672	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	Nữ	13	110	2,9	1	Trang	Chẵn
33	000673	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	QT12C	Nữ	13	111	6,5	1	Trang	lẻ
34	000674	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	Nữ	13	112	2,3	1	Trang	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: *80*...

Tổng số tờ giấy thi: *30*...

Tổng số biên bản: *0*...

Cán bộ coi thi 1

Ngày *21* tháng *12* năm *2025*

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lệ

Đỗ Văn Quân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000675	1201031109	Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	Nữ	13	267	5,3	1	Trang	lẻ
2	000676	1201031121	Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	Nam	13	268	2,7	1	Trần	chẵn
3	000677	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	Nam	13	269	2,2	1	Lỗi	lẻ
4	000678	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	Nam	14	270	1,1	1	Đ	chẵn
5	000679	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	Nữ	14					ĐK
6	000680	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	Nam	14					HP
7	000681	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	Nữ	14	271	6,7	1	Anh	lẻ
8	000682	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	Nữ	14	272	1,5	1	Anh	chẵn
9	000683	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	Nam	14				AD	HP, ĐK
10	000684	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	Nữ	14	273	1,2	1	Anh	chẵn
11	000685	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	Nam	14	274	3,7	1	Gao	lẻ
12	000686	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	Nữ	14	275	1,7	1	Châu	chẵn
13	000687	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	Nam	14	276	3,2	1	Cương	chẵn
14	000688	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	Nam	14	277	1,2	1	P	chẵn
15	000689	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	Nam	14	278	6,0	1	Đức	lẻ
16	000690	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	Nữ	14	279	5,8	1	Hồng	chẵn
17	000691	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	Nữ	14	280	1,8	1	Duyên	lẻ
18	000692	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	Nam	14					
19	000693	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	Nữ	14	281	3,2	1	Hà	lẻ
20	000694	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	Nam	14	282	0,9	1	Hào	chẵn
21	000695	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	Nam	14	283	1,2	1	Hiếu	chẵn
22	000696	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	Nam	14	284	1,2	1	Hoan	chẵn
23	000697	1201030859	Đinh Văn	Hung	14/04/2006	QM12A	Nam	14	285	không	1	Hưng	lẻ (BB)
24	000698	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	Nữ	14	286	2,9	1	Hương	chẵn
25	000699	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	Nữ	14					HP
26	000700	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	Nữ	14	287	6,5	1	Linh	chẵn
27	000701	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	Nữ	14	288	3,9	1	Linh	lẻ
28	000702	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	Nữ	14	289	0,9	1	Linh	chẵn
29	000703	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	Nữ	14	290	4,5	1	Linh	lẻ
30	000704	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	Nam	14	291	0,6	1	Long	chẵn
31	000705	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	Nam	14	292	2,7	1	Long	lẻ
32	000706	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	Nữ	14	293	6,8	1	Ly	chẵn
33	000707	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	Nữ	14	294	4,6	1	Mai	lẻ
34	000708	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	Nam	14	295	7,0	2	Minh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29...
Tổng số tờ giấy thi: 30...
Tổng số biên bản: 01...

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Văn Thanh

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Trịnh Thu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

Đề thi

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000709	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	Nam	14	699	1,8	01	Minh	Lẻ
2	000710	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	Nữ	14	700	0,3	01	Trà	chẵn
3	000711	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	Nữ	14	701	4,6	01	Ngân	Lẻ
4	000712	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	Nữ	14	702	1,1	01	Ngọc	chẵn
5	000713	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	Nữ	14	703	6,2	01	Nguyệt	Lẻ
6	000714	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	Nữ	14	704	3,6	01	Oanh	chẵn
7	000715	1201031019	Dương Thị Hà	Phương	12/09/2006	QM12A	Nữ	14	705	2,1	01	Phương	Lẻ
8	000716	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	Nữ	14	706	5,0	01	Phương	chẵn
9	000717	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	Nữ	14	707	6,8	01	Quyên	Lẻ
10	000718	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	Nam	14	708	1,5	01	Son	chẵn
11	000719	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	Nam	14	709	1,5	01	Thái	Lẻ
12	000720	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	Nữ	14	710	1,3	01	Thảo	HP chẵn
13	000721	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	Nữ	14	711	6,2	01	Thảo	Lẻ
14	000722	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	Nữ	14	712	1,9	01	Thu	chẵn
15	000723	1201031078	Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	Nữ	14	713	6,5	01	Thùy	HP Lẻ
16	000724	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	Nữ	14	714	2,8	01	Thùy	chẵn
17	000725	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	Nữ	14	715	1,5	01	Trà	Lẻ
18	000726	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	Nữ	14	716	2,2	01	Trang	chẵn
19	000727	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	Nữ	14	717	1,2	01	Trinh	Lẻ
20	000728	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	Nữ	14	718	5,6	01	Sue	chẵn
21	000729	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	Nam	14	719	5,6	01	Tùng	Lẻ
22	000730	1201031134	Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	Nữ	14					HP, ĐK
23	000731	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	Nam	14	720	1,5	01	Vĩ	Lẻ
24	000732	1201031816	Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	Nam	14	721	không	01	Vinh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 23
Tổng số tờ giấy thi: 23
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thanh Hà Phạm Văn Toàn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000733	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	Nữ	15	22	9,8	1	Đã	lẻ
2	000734	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	Nữ	15	23	3,6	1	Đã	chẵn
3	000735	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	Nữ	15	24	7,4	1	Đã	lẻ
4	000736	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	Nam	15	25	0,9	1	Đã	chẵn
5	000737	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	Nữ	15	26	6,8	1	Đã	lẻ
6	000738	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	Nữ	15	27	1,3	1	Anh	chẵn
7	000739	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	Nữ	15	28	4,6	1	Châm	lẻ
8	000740	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	Nữ	15	29	8,8	1	Chiều	chẵn
9	000741	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	Nữ	15	30	9,3	1	Dương	lẻ
10	000742	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	Nam	15					HP,ĐK
11	000743	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	Nữ	15	31	8,5		Giang	lẻ
12	000744	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	Nữ	15	32	7,3	1	Hà	chẵn
13	000745	1101030537	Lưu Thu	Hà	23/01/2005	QM12B	Nữ	15	33	10	1	Hà	lẻ
14	000746	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	Nữ	15	34	3,0	1	Hào	chẵn
15	000747	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	Nữ	15	35	8,3	1	Hiên	lẻ
16	000748	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	Nam	15	36	0,3	1	Hiếu	chẵn
17	000749	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	Nam	15	37	3,2	1	Hùng	lẻ
18	000750	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	Nữ	15	38	4,9	1	Huyền	chẵn
19	000751	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	Nam	15	39	3,8	1	Kiên	lẻ
20	000752	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	Nam	15					HP,ĐK
21	000753	1201030905	Đinh Nguyễn Hải	Linh	19/03/2006	QM12B	Nữ	15					HP,ĐK
22	000754	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	Nữ	15	40	1,1	1	Linh	chẵn
23	000755	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	Nữ	15	41	4,2	1	Linh	lẻ
24	000756	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	Nữ	15	42	1,2	1	Linh	chẵn
25	000757	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	Nữ	15	43	1,8	1	Linh	lẻ
26	000758	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	Nữ	15	44	4,2	1	Linh	chẵn
27	000759	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	Nữ	15	45	6,3	1	Phan	lẻ
28	000760	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	Nam	15					ĐK
29	000761	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	Nam	15					ĐK
30	000762	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	Nữ	15	46	3,4	1	Mai	chẵn
31	000763	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	Nam	15	47	4,2	1	Minh	lẻ
32	000764	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	Nữ	15	48	1,1	1	Ngoan	chẵn
33	000765	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	Nữ	15	49	5,4	1	Ngọc	lẻ
34	000766	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	Nữ	15	50	4,4	1	Oanh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 29
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Trang

Phạm Thị Chanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

chẵn/lẻ?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chẵn/lẻ
1	000767	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	Nam	15	651	3,8	1	Phúc	
2	000768	1201031020	Lê Thị Thu	Phương	29/10/2006	QM12B	Nữ	15	652	0,9	1	Phương	Chẵn
3	000769	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	Nữ	15					ĐK
4	000770	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	Nam	15	653	0,3	1	Quang	Chẵn
5	000771	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	Nam	15	654	2,9	1	Sáng	lẻ
6	000772	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	Nam	15	655	1,1	1	Son	chẵn
7	000773	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	Nữ	15					ĐK
8	000774	1201031055	Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	Nam	15					HP, ĐK
9	000775	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	Nữ	15	656	3,2	1	Thuy	lẻ
10	000776	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	Nữ	15	657	0,6	1	Thủy	Chẵn
11	000777	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	Nữ	15	658	1,5	1	Thúy	lẻ
12	000778	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	Nam	15					ĐK
13	000779	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	Nữ	15	659	7,1	1	Trang	lẻ
14	000780	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	Nữ	15	660	0,6	1	Trang	chẵn
15	000781	1201031575	Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	Nữ	15	661	4,2	1	Trinh	lẻ
16	000782	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	Nữ	15	662	5,4	1	Tú	chẵn
17	000783	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyển	06/08/2006	QM12B	Nam	15	663	0,3	1	Tuyển	lẻ
18	000784	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	Nam	16	664	0,6	1	Anh	chẵn
19	000785	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	Nữ	16	665	4,1	1	Anh	lẻ
20	000786	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	Nữ	16	666	1,1	1	Hiền	chẵn
21	000787	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	Nữ	16	667	1,2	1	Hiền	lẻ
22	000788	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	Nam	16	668	0,6	1	Hiếu	chẵn
23	000789	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	Nữ	16	669	3,5	1	Huế	lẻ
24	000790	1201070642	Đinh Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	Nam	16	670	0,9	1	Huy	chẵn
25	000791	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	Nữ	16	671	5,0	1	Ngọc	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 21.....
Tổng số tờ giấy thi: 21.....
Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 31... tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trinh Thị Diệp

Bùi Thị Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000792	1201070661	Thiều Quý	Phúc	02/04/2005	KL12A	Nam	16	51	0,9	1	<i>Phúc</i>	chấn
2	000793	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	Nữ	16	52	3,8	1	<i>Trang</i>	lẻ
3	000794	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	Nữ	16	53	2,0	1	<i>Yến</i>	chấn
4	000795	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	Nữ	16	54	1,5	1	<i>An</i>	lẻ
5	000796	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	Nam	16					<i>lỗi</i>
6	000797	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	Nữ	16	55	1,2	1	<i>Anh</i>	lẻ
7	000798	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	Nữ	16	56	0,6	1	<i>Alh</i>	chấn
8	000799	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	Nữ	16	57	1,4	1	<i>Đ</i>	lẻ
9	000800	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	Nam	16	58	1,5	1	<i>Bách</i>	chấn
10	000801	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	Nam	16	59	3,1	1	<i>Quang</i>	lẻ
11	000802	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	Nam	16	60	3,9	1	<i>Đức</i>	chấn
12	000803	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	Nam	16	61	1,9	1	<i>Đức</i>	lẻ
13	000804	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	Nam	16	62	0,8	1	<i>HPĐ</i>	chấn
14	000805	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	Nam	16	63	2,9	1	<i>Đức</i>	lẻ
15	000806	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	Nữ	16	64	3,2	1	<i>Duy</i>	chấn
16	000807	1201080555	Phạm Quang	Đương	24/12/2006	TM12A	Nam	16					HP,ĐK
17	000808	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	Nữ	16	65	5,0	1	<i>Duyên</i>	chấn
18	000809	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	Nữ	16	66	1,8	1	<i>Duyên</i>	lẻ
19	000810	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	Nữ	16	67	1,6	1	<i>Giang</i>	chấn
20	000811	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	Nữ	16	68	0,9	1	<i>Huệ</i>	lẻ
21	000812	1201080565	Lê Thế	Hung	21/08/2006	TM12A	Nam	16	69	2,1	1	<i>Hung</i>	chấn
22	000813	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	Nữ	16	70	4,6	1	<i>lin</i>	lẻ
23	000814	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	Nữ	16	71	0,3	1	<i>Thuy</i>	chấn
24	000815	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	Nữ	16	72	5,9	1	<i>Ma</i>	lẻ
25	000816	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	Nữ	16	73	3,4	1	<i>Linh</i>	chấn
26	000817	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	Nam	16	74	2,1	1	<i>Lo</i>	lẻ
27	000818	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	Nữ	16	75	5,3	1	<i>Mai</i>	chấn
28	000819	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	Nữ	16	76	5,6	1	<i>Mai</i>	lẻ
29	000820	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	Nam	16	77	0,3	1	<i>Mạnh</i>	chấn
30	000821	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	Nam	16	78	6,7	1	<i>ma</i>	lẻ
31	000822	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	Nữ	16	79	3,3	1	<i>Minh</i>	chấn
32	000823	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	Nữ	16	80	7,0	1	<i>my</i>	lẻ
33	000824	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	Nữ	16	81a	7,5	1	<i>Đ</i>	chấn
34	000825	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	Nữ	16	81b	5,6	1	<i>Ngoc</i>	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: *32*...

Tổng số tờ giấy thi: *32*...

Tổng số biên bản: *2*...

Ngày *31* tháng *12* năm *25* *ĐH*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ng. T. H. Hà

Nguyễn Minh Nhật



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000826	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	Nữ	16	296	5,1	01	<i>Như</i>	<i>chấn/lẻ</i>
2	000827	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	Nữ	16	297	4,4	01	<i>Nhung</i>	<i>lẻ</i>
3	000828	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	Nữ	16	298	4,5	01	<i>Oanh</i>	<i>chấn</i>
4	000829	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	Nam	16	299	1,8	01	<i>Tài</i>	<i>lẻ</i>
5	000830	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	Nữ	16	300	5,5	01	<i>Thảo</i>	<i>chấn</i>
6	000831	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	Nữ	16	301	3,2	01	<i>Thảo</i>	<i>lẻ</i>
7	000832	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	Nữ	16	302	3,9	01	<i>Thảo</i>	<i>chấn</i>
8	000833	1201081799	Dương Đình	Thị	14/06/2004	TM12A	Nam	16					<i>HP,ĐK</i>
9	000834	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	Nữ	16	303	3,5	01	<i>Thương</i>	<i>chấn</i>
10	000835	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	Nữ	16	304	7,3	01	<i>Thúy</i>	<i>lẻ</i>
11	000836	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	Nữ	16	305	6,4	01	<i>Thùy</i>	<i>chấn</i>
12	000837	1201080609	Nguyễn Bích	Thùy	04/04/2005	TM12A	Nữ	16	306	2,9	01	<i>Bích</i>	<i>lẻ</i>
13	000838	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	TM12A	Nữ	16	307	2,4	01	<i>Trang</i>	<i>chấn</i>
14	000839	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	Nữ	16	308	4,0	01	<i>Trang</i>	<i>lẻ</i>
15	000840	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	Nữ	16	309	1,4	01	<i>Uyên</i>	<i>chấn</i>
16	000841	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	Nữ	16	310	5,6	01	<i>Yến</i>	<i>lẻ</i>
17	000842	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	Nữ	16	311	0,6	01	<i>Yến</i>	<i>chấn</i>
18	000843	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	Nam	17	312	9,7	01	<i>An</i>	<i>lẻ</i>
19	000844	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	Nữ	17	313	<i>mười</i>	01	<i>Anh</i>	<i>chấn</i>
20	000845	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	Nữ	17	314	7,2	01	<i>Anh</i>	<i>lẻ</i>
21	000846	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	Nữ	17	315	2,7	01	<i>Chi</i>	<i>chấn</i>
22	000847	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	Nam	17	316	5,1	01	<i>Dũng</i>	<i>lẻ</i>
23	000848	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	Nam	17					<i>HP,ĐK</i>
24	000849	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	Nữ	17	317	4,3	01	<i>Duyên</i>	<i>lẻ</i>
25	000850	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	Nữ	17	318	0,9	01	<i>Giang</i>	<i>chấn</i>
26	000851	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	Nữ	17	319	7,6	01	<i>Hoa</i>	<i>lẻ</i>
27	000852	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	Nam	17	320	7,8	01	<i>Hoàng</i>	<i>chấn</i>
28	000853	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	Nam	17	321	9,3	01	<i>Hoàng</i>	<i>lẻ</i>
29	000854	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	Nam	17	322	3,0	01	<i>Huy</i>	<i>chấn</i>
30	000855	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	Nữ	17	323	7,4	01	<i>Linh</i>	<i>lẻ</i>
31	000856	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	Nữ	17	324	2,0	01	<i>Ly</i>	<i>chấn</i>
32	000857	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	Nam	17					<i>HP</i>
33	000858	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	Nữ	17	325	<i>không</i>	01	<i>Nga</i>	<i>chấn</i>
34	000859	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	Nữ	17	326	7,0	01	<i>Nga</i>	<i>lẻ</i>

Tổng số sinh viên dự thi: *31*

Tổng số tờ giấy thi: *31*

Tổng số biên bản: *0*

Cán bộ coi thi 1

Ngày *31* tháng *12* năm *2025*

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Bình

Phan Thị Uyên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000860	1201060518	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	01/09/2006	KA12A	Nữ	17	777	7,7	01	Ngọc	chẵn
2	000861	1201060519	Lê Thái Nguyên	25/10/2006	KA12A	Nam	17	778	3,8	01	Nguyên	lẻ
3	000862	1201060520	Ngô Long Nhật	27/10/2003	KA12A	Nam	17	779	7,5	01	Nhật	chẵn
4	000863	1201060523	Đào Thị Quỳnh	16/05/2006	KA12A	Nữ	17	780	5,8	01	Quỳnh	lẻ
5	000864	1201060524	Phạm Thanh Tâm	17/07/2006	KA12A	Nữ	17	781	6,2	01	Tâm	chẵn
6	000865	1201060525	Lê Thị Thu Thảo	31/07/2006	KA12A	Nữ	17	782	7,2	01	Thảo	lẻ
7	000866	1201060526	Nguyễn Thanh Thảo	11/11/2006	KA12A	Nữ	17	783	7,4	01	Thảo	chẵn
8	000867	1201060527	Bùi Ánh Thư	25/07/2006	KA12A	Nữ	17	784	5,7	01	Thư	lẻ
9	000868	1201060529	Đoàn Phúc Toàn	01/11/2005	KA12A	Nam	17	785	6,0	01	Toàn	chẵn
10	000869	1201060532	Nguyễn Thị Kiều Trang	05/05/2006	KA12A	Nữ	17	786	5,2	01	Trang	chẵn
11	000870	1201060533	Nguyễn Đức Trung	12/02/2006	KA12A	Nam	17	787	3,9	01	Trung	lẻ
12	000871	1201060534	Vương Tuấn Tú	04/09/2006	KA12A	Nam	17	788	4,7	01	Tú	lẻ
13	000872	1201060535	Vũ Duy Vũ	23/06/2006	KA12A	Nam	17	789	7,4	02	Vũ	chẵn
14	000873	1201060537	Vũ Thị Thảo Vy	16/11/2005	KA12A	Nữ	17	790	1,5	01	Vy	lẻ
15	000874	1201020063	Nguyễn Châu Anh	06/03/2006	KC12A	Nữ	17	791	5,9	01	Anh	chẵn
16	000875	1201020071	Nguyễn Quỳnh Anh	17/11/2006	KC12A	Nữ	17	792	5,0	01	Anh	lẻ
17	000876	1201020082	Phạm Trần Hải Anh	11/11/2006	KC12A	Nữ	17	793	5,7	01	Anh	chẵn
18	000877	1201020099	Vương Thị Ngọc Ánh	03/12/2006	KC12A	Nữ	17	794	7,7	01	Ánh	lẻ
19	000878	1201020121	Đỗ Trung Đoàn	20/11/2006	KC12A	Nam	17	795	5,2	01	Trần	chẵn
20	000879	1201020122	Bùi Minh Đức	22/05/2006	KC12A	Nam	17	796	1,5	01	Đức	lẻ
21	000880	1201020124	Lục Hoàng Thùy Dung	02/07/2006	KC12A	Nữ	17	797	4,5	01	Dung	chẵn
22	000881	1201020129	Trần Trung Dũng	12/11/2006	KC12A	Nam	17	798	1,2	01	Dũng	lẻ
23	000882	1201020259	Trương Ngọc Linh	25/12/2006	KC12A	Nữ	17	799	5,7	01	Linh	chẵn
24	000883	1201020282	Bùi Thanh Mai	27/07/2006	KC12A	Nữ	17	800	5,9	01	Mai	lẻ
25	000884	1201020294	Lê Quang Minh	25/09/2003	KC12A	Nam	17	801	4,9	01	Minh	chẵn
26	000885	1201020376	Nguyễn Mai Tâm	02/01/2006	KC12A	Nữ	17	802	5,1	01	Tâm	lẻ
27	000886	1201021511	Nguyễn Minh Thu	14/08/2006	KC12A	Nữ	17	803	6,8	01	Thu	chẵn
28	000887	1201020472	Nguyễn Huyền Vi	17/09/2006	KC12A	Nữ	17	804	7,6	01	Vi	lẻ
29	000888	1001030682	Nguyễn Tiến Sỹ	23/11/2004	QM10A	Nam	17					HP,ĐK
30	000889	1201040003	Đỗ Duy Anh	29/11/2004	CT12A	Nam	18	805	0,6	01	Duy Anh	lẻ
31	000890	1201040006	Lê Đỗ Kiều Anh	24/10/2006	CT12A	Nữ	18	806	5,2	01	Anh	chẵn
32	000891	1201040009	Vũ Thị Hồng Ánh	16/06/2006	CT12A	Nữ	18	807	4,8	01	Anh	lẻ
33	000892	1201040012	Lê Đăng Định	01/07/2005	CT12A	Nam	18	808	2,9	01	Định	chẵn
34	000893	1201040016	Nguyễn Trường Giang	09/11/2006	CT12A	Nam	18	809	3,7	01	Giang	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ T. Ngọc Anh

Đỗ T. Hải Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2025-2026

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000894	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	Nữ	18	672	3,6	01	Hạnh	Chấn
2	000895	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	Nữ	18	673	0,9	01	Huệ	le'
3	000896	1201040021	Đặng Duy	Hưng	07/10/2006	CT12A	Nam	18					ĐK
4	000897	1201040022	Bùi Trinh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	Nam	18	674	1,5	01	Huy	le'
5	000898	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	Nam	18	675	1,2	01	Huy	chấn
6	000899	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	Nữ	18	676	5,4	01	Huyền	le'
7	000900	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	Nam	18	677	0,9	01	Khánh	Chấn
8	000901	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	Nữ	18	678	5,0	01	Linh	le'
9	000902	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	Nữ	18	679	2,8	01	Linh	chấn
10	000903	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	Nữ	18	680	3,5	01	Linh	le'
11	000904	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	Nam	18	681	2,7	01	Long	chấn
12	000905	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	Nam	18	682	2,0	01	Minh	le'
13	000906	1201040659	Đình Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	Nam	18	683	0,3	01	Phong	chấn
14	000907	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	Nam	18	684	6,6	01	Tài	le'
15	000908	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	Nam	18	685	0,6	01	Thành	chấn
16	000909	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	Nữ	18	686	5,9	01	Thư	le'
17	000910	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	Nữ	18	687	4,5	01	Trang	chấn
18	000911	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	Nam	18	688	5,8	01	Tuấn	le'
19	000912	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	Nữ	18	689	2,3	01	Nam	hấn
20	000913	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	Nữ	18					ĐK
21	000914	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh Anh		15/06/2005	KD11C	Nữ	18	690	3,2	01	QAAn	chấn
22	000915	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	Nữ	18					HP,ĐK
23	000916	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	Nữ	18	691	1,2	01	Linh	chấn
24	000917	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	Nam	18	692	4,5	01	Anh	le'
25	000918	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL11A	Nam	18	693	1,2	01	Quân	chấn
26	000919	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	Nữ	18	694	4,7	01	Anh	le'
27	000920	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	Nữ	18	695	2,5	01	Quỳnh	chấn
28	000921	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	Nam	18	696	5,8	01	Long	le'
29	000922	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	Nữ	18	697	4,7	01	Diệp	chấn
30	000923	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	Nam	18	698	8,1	01	Đạt	HP le'
31	000924	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	Nam	18					HP
32	000925	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	Nam	18					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 27
Tổng số tờ giấy thi: 27
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải Hương

Vũ Thị Hằng